TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 63/2019/QĐST-HNGĐ	*D, ngày 18 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 257/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Trần Linh Kh; sinh năm 1992.
Địa chỉ: Thôn B, xã Tân Ch, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. Chị Lê Thị Hồng T; sinh năm 1994.
Địa chỉ: Thôn B, xã Tân Ch, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét việc thuận tình ly hôn của anh Trần Linh Kh và chị Lê Thị Hồng T được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận anh Trần Linh Kh và chị Lê Thị Hồng T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Linh Kh và chị Lê Thị Hồng T có hai con chung Trần Mạnh Ng, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2011 và Trần Đại Q, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2013. Khi ly hôn anh Trần Linh Kh và chị Lê Thị Hồng T thỏa thuận giao hai con chung cho chị Lê Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Linh Kh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc thỏa thuận nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn tự nguyện cần áp dụng các Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận thỏa thuận giao hai con chung Trần Mạnh Ng, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2011 và Trần Đại Q, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2013 cho chị Lê Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Linh Kh không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[3] Về tài sản: Tài sản chung, tài sản nợ chung, tài sản cho vay chung và tài sản riêng anh Trần Linh Kh và chị Lê Thị Hồng T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Linh Kh và chị Lê Thị Hồng T thỏa thuận chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần chấp nhận sự thỏa thuận anh Trần Linh Kh và chị Lê Thị Hồng T đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Linh Kh và chị Lê Thị Hồng T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Trần Mạnh Ng, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2011 và Trần Đại Q, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2013 cho chị Lê Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Linh Kh không phải cấp dưỡng nuôi.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản: Tài sản chung, tài sản nợ chung, tài sản cho vay chung và tài sản riêng anh Trần Linh Kh và chị Lê Thị Hồng T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Linh Kh và chị Lê Thị Hồng T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm anh Trần Linh Kh và chị Lê Thị Hồng T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0014479 ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Anh Trần Linh Kh và chị Lê Thị Hồng T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện D;
- UBND xã T,
  thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc Toàn